



Thánh Gioan Tiên Hô 'hiểu biết' về Chúa Giêsu đến đâu?

*Thắc mắc về chữ "BIẾT" nghe
trong Tin Mừng Chúa Giêsu (1)*

Tin Mừng theo Thánh Gioan 1: 29-34 đọc theo Bản Nova Vulgata của Mẹ Giáo Hội.

LsNguyenCongBinh@gmail.com

NOVA VULGATA Gioan 1 ²⁹ Altera die videt Iesum venientem ad se et ait:

" Ecce agnus Dei, qui tollit peccatum mundi.

³⁰ Hic est, de quo dixi: Post me venit vir, qui ante me factus est, quia prior me erat. ³¹ *Et ego nesciebam* *** eum, sed ut manifestetur Israel, propterea veni ego in aqua baptizans".

³² Et testimonium perhibuit Ioannes dicens: " Vidi Spiritum descendentem quasi columbam de caelo, et mansit super eum; ³³ *et ego nesciebam* *** eum, sed, qui misit me baptizare in aqua, ille mihi dixit: "Super quem videris Spiritum descendentem et manentem super eum, hic est qui baptizat in Spiritu Sancto".

³⁴ Et ego vidi et testimonium perhibui quia **hic est Filius Dei**".

²⁹ Hôm sau, ông Gioan thấy Chúa Giêsu tiến về phía mình liền tuyên bố:

"Đây Chiên Thiên Chúa, đây Đấng Gánh Tội Trần gian.

³⁰ Chính Ngài là Đấng mà tôi đã nói: Một Đấng cao trọng hơn tôi đến sau tôi, song Ngài đã có trước tôi. ³¹ Và tôi, **tôi đã chưa biết Ngài thấu đáo*****, nhưng để Ngài được tỏ mình ra với Israel, qua việc tôi đến làm phép rửa trong nước".

³² Và Gioan đã làm chứng rằng: "Tôi đã thấy Thánh Thần như chim bồ câu từ trời đáp xuống và ngự trên Ngài. ³³ Về phần tôi, tuy **tôi đã chưa biết Ngài thấu đáo*****, nhưng Đấng sai tôi làm phép rửa trong nước phán bảo tôi: 'Người thấy Thánh Thần ngự xuống trên ai, thì đó chính là Đấng làm phép rửa trong Chúa Thánh Thần".

³⁴ Tôi đã thấy và tôi xin làm chứng: **chính Ngài đây là Con Thiên Chúa". Đó là lời Chúa.**

*** Sau thánh lễ tuần qua [Thứ II Mùa Thường Niên] anh Ng. đã cho biết anh chứng hứng [và có thể nhiều người cùng nghĩ như anh] vì anh chỉ kịp nghe trong Phúc Âm rằng thánh nhân tuyên bố 2 lần: **" Tôi đã không biết Ngài - I did not know him myself/**

Je ne le connaissais pas (LuCa 1:31 & 33)

Thắc mắc: **Vậy thánh Gioan chẳng biết gì về Chúa Giêsu** hay sao?

Anh tự hỏi : Nếu thánh **Gioan đã chẳng biết gì về Chúa GiêSu**, sao ông dám làm chứng đanh thép và dũng dạc về Ngài rằng: ³⁴ **Tôi, Gioan, đã thấy và tôi xin làm chứng:**

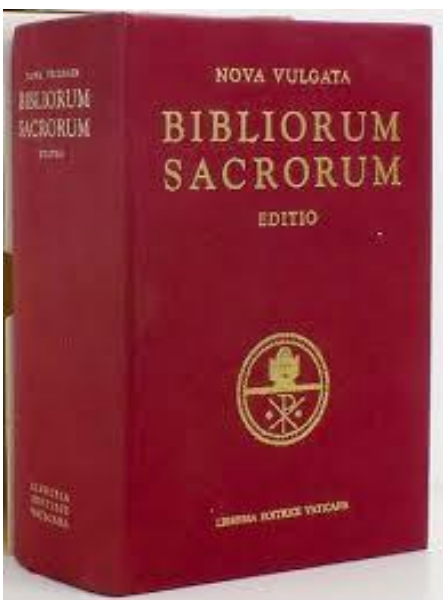
"Chính Ngài đây là Con Thiên Chúa.

Đây Chiên Thiên Chúa,

đây Đấng Gánh Tội Trần gian.

Nửa tin nửa ngờ, anh nghĩ rằng thánh Gioan quả thật phải được đầy ơn Thánh Thần soi sáng để nói lên câu tuyên xưng ấy, mà nay Mẹ Hội Thánh truyền cho vị chủ tế lặp lại trong mỗi thánh lễ để giúp chúng ta mạnh tin hơn và mời gọi chúng ta tiến lên đón nhận Thánh Thể Chúa rằng: **Phúc cho ai được mời đến dự Tiệc Chiên Thiên Chúa.**

Song nếu thánh **Gioan đã chẳng biết gì về Chúa GiêSu** tức không được soi sáng đầy đủ, thì giá trị lời chứng của ông đáng tin đến đâu? Ta thấy các bản dịch danh tiếng, kể cả của Công Giáo như New Bible of Jerusalem hay USCCB..., đều dịch như thế. Ta hoang mang. Xin cảm ơn anh N đặt câu hỏi và chúng ta tạm đặt mọi bản dịch sang một bên, vì nay ta đã có bản **Nova Vulgata** Mẹ Hội Thánh ban. Ta đọc **Nova Vulgata** trước.



Chúa Thánh Thần qua Công Đồng Vatican II đã thúc đẩy ba Đức Chủ Chăn thánh Phaolo VI, thánh Gioan Phaolo II và ĐTC Benedicto XVI đích thân và đầy công canh cải nhiều câu, nhiều chữ tối nghĩa trong bản **Kinh Thánh Cổ Vulgata** ta đã dùng qua nhiều thế kỷ. Thánh Chủ Chăn Gioan Phaolo II đã can đảm hoàn thành công tác thánh **NOVA VULGATA** này và ban hành năm 1979. Đức Chủ Chăn Benedicto, vị Giáo Hoàng của Lời Chúa, sau đó đã được giao trọng trách chu toàn bản văn **NOVA VULGATA** và đã trọn vẹn công tác thánh năm 1986.

Lời Chúa vẫn là Một song qua cách trình bày của Ba Vị Giáo Hoàng học giả cùng chung sức nhau với cách dùng chữ chính xác và cách chấm phẩy ngắt câu mạch lạc nhất là bởi uy tín các Ngài chính là Chủ Chăn Tối Cao được ơn chẳng sai lầm nên toàn bộ **Bản Sách Thánh Mới** rất trong sáng. Ta cần tìm hiểu rõ mấy chữ **"biết"** vì chính Chúa dùng chữ này nhiều lần. **Nova Vulgata** được viết theo tiếng Latinh là ngôn ngữ của Mẹ Hội Thánh và trung thành với văn phạm LaTinh nên cho ta thấy rằng theo **Nova Vulgata**, thánh Gioan không tuyên bố như các học giả vừa dịch trên, song lời ngài rất thành thật và rất hợp lý rằng:

"Et ego nesciebam eum"

Tôi đã chưa biết Ngài thấu đáo.

Xin tạm đề nghị câu dịch tiếng Việt như thế. Ước mong các vị thức giả, nhất là các tâm lý gia và ngôn ngữ gia, bổ túc cho câu dịch tiếng Việt đơn sơ và hơi vội của tôi. Xin tạm theo **Nova Vulgata** phân biệt 4 động tự cùng được dịch đơn sơ là **"biết, to know, connaitre"** song ý nghĩa khác nhau xa là

- (1) **cognosco** biết #1 nhờ quen thuộc, đụng chạm, tiếp xúc...
- (2) **scio** biết#2 rõ hơn,, thấu đáo hơn nhờ học hỏi & phản nghĩa **nescio** không biết ;
- (3) **invenio** [eurisko, eureka] biết #3 đầy đủ nhất, khám phá ra theo trình độ khoa học
- (4) **inventus est** [heurethê] **được Chúa ThánhThần soi sáng cho biết #3 rõ ra** (thể thụ nhận của động tự **invenio** [eurisko, eureka])

Viết **Biết #1**, hay **Biết #2** hay **Biết #3** khá vô nghĩa song mong để phân biệt 3 mức độ biết và để theo dõi bài này. Vài chữ khác liên hệ đến 'hiểu biết' xin học hỏi sau

1. Biết #1: Cognosco, tiếng La tinh / **ginosko**, tiếng Hy Lạp
VN: **biết ai, biết điều gì nhờ quen thuộc, đụng chạm, tiếp xúc ...**

Cognosco hay **nosco** tiếng Latinh, **Ginosco** tiếng Hy Lạp cho nghĩa **biết do quen**, **loại biết #1** - do phản ứng của con người mình khi đụng chạm với con người khác theo giác quan hay tinh thần: *To become thoroughly acquainted with – to know by the senses or mentally- , to recognize, perceive, to see, to understand, to learn...*

<http://www.perseus.tufts.edu/hopper/text?doc=Perseus%3Atext%3A1999.04.0059%3Aentry%3Dcognosco>

<http://gospelhall.org/bible/bible.php?search=ginosko&dict=vine&lang=greek>

<http://biblehub.com/thayers/1097.htm>

Có bao nhiêu người quý vị chỉ mới *biết1* sơ sài nhờ *làm quen*, song lòng mong có dịp tiếp xúc tìm hiểu rõ hơn để mà *biết* nhiều hơn? Nói theo tiếng Việt mong để hiểu hơn: Các cụ nhà ta, nhất là vào thời các thánh tử đạo trước kia viết chữ 'NÔM'. Để diễn tả ý niệm *biết1 do quen* theo động tự kép 2 chữ '**quen biết**' tuy thường nói tắt ra '**biết**', các ngài 'vẽ' ra chữ như sau:

[1] viết '**BIẾT**' lấy 𠂔 **biết** trong *phân biệt* (vừa cho âm vừa cho nghĩa) như lấy dao 𠂔 *phân biệt* cho rõ kết quả '**BIẾT**' trí óc nhận được nhờ '**QUEN** do đụng chạm .

[2] viết '**QUEN**' thì lấy âm theo 惓 (quên) hay 慣 (quán) + lấy nghĩa theo 忄 (lòng/ tâm)

Giúp đọc Nôm và Hán Việt LM Trần Văn Kiệm. <http://nomfoundation.org/nom-tools/Nom-Dictionary?uiLang=en>

Các cụ hiểu rằng '**QUEN**' là phản ứng của con người mình khi đụng chạm với con người khác theo tình cảm riêng [hay ác cảm riêng] - Có 忄 (tâm) tình người tác động trong đó vì từ **quen** [bước đầu] ta có thể tìm hiểu rõ hơn, cho lòng ta lên cao hơn như *thích, thương, yêu...* (vd nhìn thấy thương) mà cũng có thể đi ngược như *bỏ lơ, chán ghét.....*

Kính xin ý kiến quý vị. Sau đây là vài câu trong Tân Ước Nova Vulgata làm ví dụ học hỏi và xin quý vị tìm đọc các câu dịch của học giả, rồi thử chọn chữ thích đáng cho động tự **cognosco** Chúa dùng nói lên Tình Yêu Thương của Chúa qua một sự quen thuộc gần gũi để bảo bọc ta. Đó là một Tình Yêu tự nhiên nhờ Chúa Thánh Thần ban và trong ơn phúc của Người mang tính cách âm thầm êm dịu và tuôn chảy không ngừng; và ta luôn **cognosco** cảm thấy được, *biết* được nhờ con tim. Chữ **cognosco** này phải được quảng diễn dài hơn và đầy đủ hơn thay cho chữ "**biết**" quá đơn giản tôi dùng. :

- Gioan 10:14-15: **Ego sum pastor bonus et cognosco meas, et cognoscunt me meae,** Chúa GiêSu phán ¹⁴ Ta chính là Người chăn chiên tốt lành!

Ta **biết cognosco** chiên của Ta, và chiên của Ta **biết cognosco** Ta,

15 sicut cognoscit me Pater, et ego cognosco Patrem;

¹⁵ như CHA **biết cognosco** Ta, và Ta **biết cognosco** CHA

et animam meam pono pro ovibus.

và Ta thí mạng sống Ta cho đàn chiên

- Gal 4: 8-9 **Sed tunc quidem ignorantes Deum, his, qui natura non sunt dii, servistis;** 8 Xưa kia, anh em chẳng biết Đức Chúa Trời thì đã phụng sự các thần vốn không phải là thần, 9 **nunc autem, cum cognoveritis Deum, immo cogniti sitis a Deo,**

9 Nhưng nay anh em đã **biết cognosco** Đức Chúa Trời, lại **được** Đức Chúa Trời **biết đến cognosco** nữa,
quomodo convertimini iterum ad infirma et egena elementa, quibus rursus ut antea servire vultis? mà anh em lại còn hướng về những thói quen hèn yếu nghèo nàn đó mà suy phục hay sao?

- Gioan 17- 25 **Pater iuste, et mundus te non cognovit; ego autem te cognovi, et hi cognoverunt** quia tu me misisti;

²⁵ Lạy CHA công chính, thế gian không **biết cognosco** CHA nhưng Con **biết cognosco** CHA, và các kẻ này cũng đã **biết cognosco** là CHA đã sai Con.

Một đề nghị là khi tìm ý nghĩa một chữ hay một câu Lời Chúa thì ta nên đọc thẳng trong Kinh Thánh các câu liên hệ để tìm được đúng nghĩa Kinh Thánh muốn nói, nhất là tìm được Thánh Ý của Chúa ban trong đó. Ta cần tra thêm tự điển loài người song đó chỉ là dụng cụ hạng 2 vì có thể cho kết quả không hẳn chính xác. Nhân vô thập toàn bản dịch của tôi chỉ là một đề nghị cần được quý vị bổ túc thêm. Chữ Latinh hay Hy Lạp được trình bày để nói về gốc chữ vì thế nếu cần xin tìm hiểu sau nhất là xin không bàn ở đây cách tiếng Latinh hay Hy Lạp đổi chữ tận cùng khi chia động tự và khác biệt giữa các thời (tenses)

2. Biết #2: SCIO, tiếng La tinh [**ne-scio: không biết**], **OIDA** tiếng Hy Lạp , **VN: biết rõ hơn , thấu đáo hơn nhờ học hỏi**

A. Ý NGHĨA CHỮ SCIO, scientia & OIDA

(1) Nghĩa chữ **SCIO**, tiếng La tinh, là **biết#2, biết rõ hơn, biết thấu đáo hơn**, không nhờ quen mà nhờ học hỏi, quan sát với trí óc, [phản nghĩa **ne-scio: không biết**].

Danh tự là **SCIENTITA sự hiểu biết rộng rãi có căn bản**. Từ chữ *scio* này ra các chữ *science, scientific, sciential scientist, sci-fi* v.v... thuộc lãnh vực học hỏi hiểu biết. Ví dụ khi chúng ta thắc mắc về chữ **biết** nên cố tìm hiểu ý nghĩa chữ **cognosco** cho **biết rõ hơn**, nhờ **scio**, bằng cách ra công tìm tòi các câu dịch khác nhau, hỏi nhau, và tìm theo nghĩa của Nova Vulgata rồi suy nghĩ để phân biệt [別] và quyết định.

(2) Mỗi nền văn hóa tạo ra tự vựng , cách hiểu, cách nói và cách viết khác nhau.

Động tự **EIDO** tiếng Hy Lạp được tự điển Strong đánh số **Strong # 1492 eido**.

EIDO là một động tự đặc biệt khi chia theo thời **quá khứ đơn aorist** ra **EIDON** thì mang ý nghĩa **I SEE / TÔI THẤY RÕ**

còn khi chia theo thời **quá khứ toàn vẹn perfect** ra **OIDA** thì mang nghĩa

I KNOW TÔI BIẾT MỘT CÁCH RÕ RÀNG- TÔI BIẾT CÁCH THẤU ĐÁO HƠN

tuy nhiên nếu dịch **TÔI ĐÃ THẤY, TÔI ĐÃ THẤU TRIỆT** thì cũng đúng(CUỐC CHÚ 1)

Verb **oida** from the same root as **eidon** "to see," is a perfect tense with a present meaning, signifying, primarily, "I have seen or perceived;" hence, "I know" (CUỐC CHÚ 1

Xin xem <http://biblehub.com/thayers/1492.htm>

definition of oida <http://gospelhall.org/bible/bible.php?search=oida&dict=vine&lang=greek>

3609a oida perf. of **eidon** <http://biblehub.com/greek/3609a.htm>



B. Phân biệt hai mức độ *biết #1 & #2* của thánh Gioan Tẩy Giả

Đây là hình nhà thờ Ein Karem, Israel xưa kia là căn nhà nơi thánh Gioan Tẩy Giả sinh ra. Tin Mừng Gioan 1:26, 1:31 & 1:33 KHÔNG dùng *động từ* **Gioan biết #1 cognosco** *GiêSu là ai* vì hai vị đã có dịp **cognosco** biết nhau thân thiết đậm đà. Từ khi còn đang là bào thai trong lòng mẹ song Gioan đã nhảy lên reo vui khi bào thai GiêSu đến thăm. Chắc chắn gia đình Zacharia & Ysave sau này mỗi năm vui vẻ gặp lại gia đình GiuSe và Maria và GiêSu trong mỗi dịp trở hội mừng lễ tại Gierusalem

Khi thánh nhân vừa sinh ra thì ông Zacharia cha của ngài hết "bệnh câm" và được đầy ơn Chúa Thánh Thần nói tiên tri về vai trò Chúa Cứu Thế và thánh Gioan. Ông dùng danh từ **SCIENTITA . biết #2** . Lúc ấy Đức Mẹ đang mang thai Chúa Cứu Thế song có mặt ở đó để giúp đỡ bà Elizabeth. Chúng ta tin rằng hai cặp mẹ con GiêSu & Maria và Elisabeth & Gioan nghe rất rõ. Xin trưng vài câu:

⁶³ Ông Zacharia xin tấm bảng mà viết rằng: "Gioan là tên em bé!" làm mọi người đều ngỡ.

⁶⁴ Miệng lưỡi ông liền mở ra và ông tuyên lời ngợi khen Thiên Chúa...⁶⁷ được đầy Thánh thần, ông nói tiên tri rằng:

⁶⁸ Chúc tụng Thiên Chúa, Thiên Chúa của Israel vì Chúa đã thăm viếng và cứu chuộc Dân Người,

[Lời tiên tri về Chúa Cứu Thế]⁶⁹ Người đã cho một sừng cứu rỗi dấy lên cho chúng ta, trong nhà Đa-vít tôi tớ Ngài,⁷⁰ như Người đã phán qua miệng, các tiên tri từ muôn thuở... ..

[Lời tiên tri về Gioan]⁷⁶ Hai nhi Gioan, con ơi, con sẽ được gọi là tiên tri của Đấng Tối cao, vì con sẽ đi trước mặt Chúa, dọn đường lối cho Người,

⁷⁷ ad dandam scientiam salutis plebi eius in remissionem peccatorum eorum

⁷⁷ để ban cho dân Người scientiam salutis sự hiểu biết thật rõ, thật thấu đáo ơn cứu độ cho Dân Người, nhờ ơn Chúa tha thứ các tội lỗi cho Dân,

⁷⁸ Nhờ lượng Thiên Chúa từ bi thương xót, nên vầng thái dương mọc lên từ trời sẽ thăm viếng chúng ta,

⁷⁹ để mang ánh sáng soi những kẻ đang ngồi trong tối tăm, trong bóng bóng tối sự chết; để dẫn dắt bàn chân chúng ta vào đường bình an."

Chúa Thánh Thần ban cho Thánh Gioan ơn đi trước mặt Chúa, dọn đường lối cho Chúa và ơn được sáng soi để Gioan **biết 2 scio hiểu rõ ơn cứu độ cho Dân Người - rồi để Gioan ban scientia sự hiểu biết ơn cứu độ ấy cho loài người.** Dân Chúa đã được scientia hiểu rõ, đã

được nhận Hồng ơn ấy qua hình ảnh **GiêSu Chiên Thiên Chúa Xóa Tội Trần** qua bài Phúc Âm bên đầu trang. Trong lòng thánh Gioan dù sao vẫn khát vọng được **scio hiểu rõ hơn về Ơn Cứu Độ nhất là về Con Người Chúa GiêSu nhiều hơn** nên vẫn luôn khiêm tốn tự nhận Ngài **chưa scio hiểu được thấu đáo đến cùng tận**.

C. Câu chuyện Pherô chối Chúa: Nescio & Nesciebam

Gioan: "Et ego nesciebam eum"
Tôi đã chưa biết Ngài (GiêSu) thấu đáo.

Pherô: " Nescio hominem istum, quem dicitis!"
"Tôi không biết rõ *nescio* người (GiêSu) mà các ông nói đó!"

Hai vị cùng dùng một động tự Ne-scio và cùng nói một câu ngắn. Xin phân tích :
(a) Nesciebam [trong lời Gioan] chia theo quá khứ imperfect hàm ý rằng **tôi đã hằng nghĩ tới Ngài song chẳng thể nào hiểu rõ Ngài cho thấu đáo.**

(b) Nescio [trong lời Phêrô] chia theo present affirmative indicative: **tôi không biết rõ Ngài**



Đây là hình nhà thờ Gallicantu , Jerusalem Israel xưa kia là nơi thầy cả thượng phẩm Caipha tra hỏi Chúa GiêSu và Pherô chối Thầy ở đây

⁶⁶ Phêrô đang ở dưới sân thì một đầy tớ trong bọn tớ gái của thượng tế đi ngang; ⁶⁷ nó thấy Phêrô đang sưởi ấm thì nó nhìn ông trừng trừng mà nói: "*Bác hẳn thuộc một bè với Giêsu thành Nazareth đó!*"⁶⁸ Ông chối phắt:

Neque scio neque novi quid tu dicas!

"*Tôi neque scio chẳng biết rõ neque novi chẳng hay cô nói gì!*"

Rồi ông lén đi ra phía tiền đường. Và một con gà đã gáy.

⁶⁹ Cô gái lại thấy ông và nói với những người có mặt: "*Bác này thuộc bọn ấy mà!*"⁷⁰

⁷⁰ Lần thứ nhì, Phêrô lại chối phắt ông không biết Chúa.

Một lát sau các người ở đó lại nói với Phêrô: "*Ông thuộc bọn ấy mà, ông cũng là người Galilê mà.*"⁷¹ Phêrô bèn rửa sả mình mà thề:

" Nescio hominem istum, quem dicitis!"
"*Tôi không biết rõ *nescio* người (GiêSu) mà các ông nói đó!*"

⁷² Tức thì gà gáy lần thứ hai.

Phêrô sực nhớ lại lời Đức Giêsu đã bảo ông: "***Trước khi gà gáy được hai lần, thì con đã chối Thầy đến ba lần.***" Ông òa lên khóc nước mắt.

Phê rô đã khéo léo lựa chọn chữ nên không có việc minh thị chối bỏ Chúa như GiuĐa đã bán đứng Thầy mình mà chỉ nói theo cách mà ai ai cũng có thể hiểu theo lần thứ 1 là *có thể tôi*

điếc tai nên chẳng hiểu cô hỏi gì. Đến lần thứ 3 thì cho biết : **tôi có biết cognosco ông GiêSu thôi , song tôi không biết rõ nescio ông GiêSu là ai.**

D. Xin trưng thêm vài câu Tân Ước phân biệt mức độ **biết1** và **biết 2** rất khó dịch

Kính xin quý vị góp ý dịch mấy câu này:

1. *Gioan 8:19*: Dicebant ergo ei: " Ubi est Pater tuus? ". Respondit Iesus: " Neque me scitis neque Patrem meum; si me sciretis, forsitan et Patrem meum sciretis ".

Họ nói với Ngài: "CHA của ông ở đâu?" Chúa Giêsu đáp: "Các người chẳng [scio] biết2 rõ Ta, mà cũng chẳng [scio] biết2 rõ CHA của Ta; nếu các người đã [scio] biết2 rõ Ta, tất các người đã [scio] biết2 rõ CHA của Ta

2. *Gioan 11:42* Chúa Giêsu ngước mắt lên và thưa với Chúa CHA:

⁴² "Lạy CHA, Con [sciebam] **biết2** CHA hằng nghe lời Con; nhưng Con nói như vậy là vì cố đoàn dân này đang đứng chung quanh Con, hầu cho họ tin rằng chính Cha là Đấng đã sai Con đến. "⁴³ Nói thế rồi, Ngài kêu lớn tiếng: "Lazarô! Hãy đi ra!"⁴⁴ Người chết bước ra, chân tay còn bị khăn liệm bó lại...

3. *Marco 4: 13* Et ait illis: " Nescitis parabolam hanc, et quomodo omnes parabolam cognoscetis? 14 Qui seminat, verbum seminat.

¹³ Rồi Ngài nói với họ: "Anh em không biết2 [nescio] dụ ngôn này cho thấu đáo hơn, thì làm sao [cognosco] hiểu được hết các dụ ngôn khác: ¹⁴ Người gieo giống là gieo Lời.

4. *Gioan 8: 55* : et non cognovistis eum. Ego autem novi eum. Et si dixero: Non scio eum, ero similis vobis, mendax; sed scio eum et sermonem eius servo.

Dẫu vậy, các người chưa biết1 [ginosko] Chúa CHA đâu; còn ta thì biết2 [scio] Ngài. Và nếu ta nói rằng ta không biết 2 [scio] Chúa CHA, ta sẽ cũng nói dối như các người vậy; song ta [scio] biết 2 Chúa CHA, và ta giữ lời Ngài.

Thánh Gioan nêu cho chúng ta một gương sáng về học hỏi Lời Chúa.

Nhiều điều ta biết nhờ Chúa mạc khải , ví dụ thánh Gioan được ban cho *scientia biết # 2 rõ hơn* để mà ban cái *scientia* ấy cho người khác song cái *scientia biết #2* vẫn đòi hỏi thánh nhân một sự cố gắng không ngừng để phát triển để *biết # 2 rõ hơn*. Động tự **Nesciebam** [trong lời Gioan như đã nói trên] chia theo quá khứ imperfect hàm ý rằng **Gioan đã hằng nghĩ tới Chúa GiêSu song chẳng thể nào hiểu rõ Chúa GiêSu cho thấu đáo**. Biển học thì mệnh mông.

Vấn đề chữ nghĩa không hẳn tuyệt đối là điều cần tuy thế ý kiến nhiều học giả và thần học gia như GS R. Brown dựa theo nghĩa đen cổ tin rằng **Gioan chẳng biết GiêSu là ai**, như được viết, hoặc tin **Gioan chẳng biết** là một mẫu nhiệm nào đó. Vậy vấn đề xin tùy từng độc giả thẩm xét, tôi chỉ muốn nói rằng cách dùng chữ của Tân Ước nói lên khía cạnh khác biệt của 2 động tự **biết1 COGNOSCO & biết2 SCIO**. Tôi xin theo nghĩa Tân Ước **Nova Vulgata** cho ,

để mà hiểu Tân Ước. Càng hiểu rõ Lời Chúa thì ta càng tìm ra Thánh Ý Chúa rõ hơn trong từng câu.

Vấn đề tương đối đã rõ tuy vẫn cần học hỏi thêm; song còn chữ **biết #3 chúng ta nên cố gắng tìm hiểu cho rõ để tránh mọi hiểu sai rồi dịch sai xúc phạm đến Chúa Thánh Thần và Đức Nữ Maria Tinh Trong**

3. Biết #3: INVENIO, tiếng La tinh [**EURISKO** tiếng Hy Lạp] ,
**VN: biết và khám phá ra điều gì, biết một cách tường tận
biết theo cấp độ cao nhất, hay biết theo khoa học.**
Đây là cái biết của bậc thầy , của khoa học mà không ai dễ gì đạt đến

4. Biết #4 : *inventus est* [heurethê tiếng Hy Lạp]
***được Ông Chúa Thánh Thần soi sáng cho biết #4 rõ ra THÁNH Ý CHÚA để
mà thực thi*** [thể thụ nhận passive voice của động từ ***invenio, eurisko, eureka***]

Vì tầm quan trọng của đề tài xin sẽ trình bày theo một bài riêng vậy xin tóm tắt vài hàng. Vd Ai ai cũng **ginosko/cognosco biết#1** có động đất tại California, hơn nữa thì nói là **oida/scio biết 2** tỏ tường song nào ai là bậc thầy mà **invenio/eurisko biết#3** đích xác là ngày nào động đất sẽ xảy đến.

Động từ **eurisko** chia theo quá khứ là **biết#3 eureka**. Nhà toán học Archimedes nhảy vào bồn tắm đã vui mừng la lên '**eureka ta đã biết#3, ta đã khám phá ra rõ ràng** định luật toán học Archimedes. Từ đt **invenio** ta có chữ **invention** phát minh khoa học.

Thánh tông đồ Gioan cũng đã hân hoan rằng: " *Tôi vui mừng xiết bao vì đã **eureka biết#3 rõ ràng trong hàng con cái Bà (Maria?) có những kẻ đang đi trong Sự Thật** (Thơ 2Gioan 1:4 Có thể đây là giáo đoàn có Đức Mẹ sống chung với họ; xin cũng xem Khải Huyền 3:2)*

Song hai trăm năm sau nhà toán học Archimedes thì tại một xóm làng Nazareth, **Mat 1:18** cho thấy thánh GiuSe quý gôi chia động từ **biết#3 invenio/eurisko** theo thể thụ động thời quá khứ ra **inventus est** (Latin) **heurethê** (Hy Lạp) - **thể thụ nhận passive là:**

1. GiuSe được Ông Chúa Thánh Thần soi sáng, qua thiên thần Chúa, cho biết #4 rõ ra THÁNH Ý CHÚA để mà thực thi:

2. GiuSe được Ông cho hiểu rõ biết #4 một cách tường tận GiuSe được Thánh Ý Chúa chọn làm chồng Đức Nữ để cùng Đức Nữ chung xây dựng Thánh Gia chuẩn bị cho Chúa Cứu Thế giáng trần.

3. GiuSe được Ông cho hiểu rõ một cách tường tận, theo cái hiểu Trời Cao soi sáng vai trò và tư cách của Đức Nữ Maria Tinh Trong được chọn làm Mẹ Thiên Chúa Ngôi Lời, và gốc nguồn của Bào Thai Thánh chính là Ngôi Lời GiêSu Chúa GiaVê Cứu Độ ... "



Thánh GiuSe đã được Ông cho hiểu rõ biết #4 TRƯỚC và đã vâng Thánh Ý Chúa bưng mâm quả làm đám hỏi Đức Nữ;

song sau khi suy đi nghĩ lại về tư cách thấp hèn của mình thì đến ngày phải làm Lễ Rước Dâu Ngài sợ hãi khùng khiếp và nghĩ đến xin rút lui. GiuSe cho rằng tư cách của mình là điều sỉ nhục Maria và Bào Thai.

Chúa Thánh Thần đã qua thiên thần ban ơn can đảm cho Ngài được đứng lên đảm nhận và chu toàn trách nhiệm Chúa giao

**KT Matthêu bản cổ Hy Lạp Codex
Washington- Dumai circa 200AD - trọn trang
http://images.csntm.org/Manuscripts/GA_032/CodexW_008b.jpg**

**Xin hẹn bài sau chúng ta sẽ cùng nhau đánh vần từng chữ đoạn Mattheu 1: 18-25
Lời Chúa ban qua tay Matthêu theo Nova Vulgata và Bản Cổ Hy Lạp**

NOVA VULGATA 18 Iesu Christi autem generatio sic erat.

Cum esset desponsata mater eius Maria Ioseph,

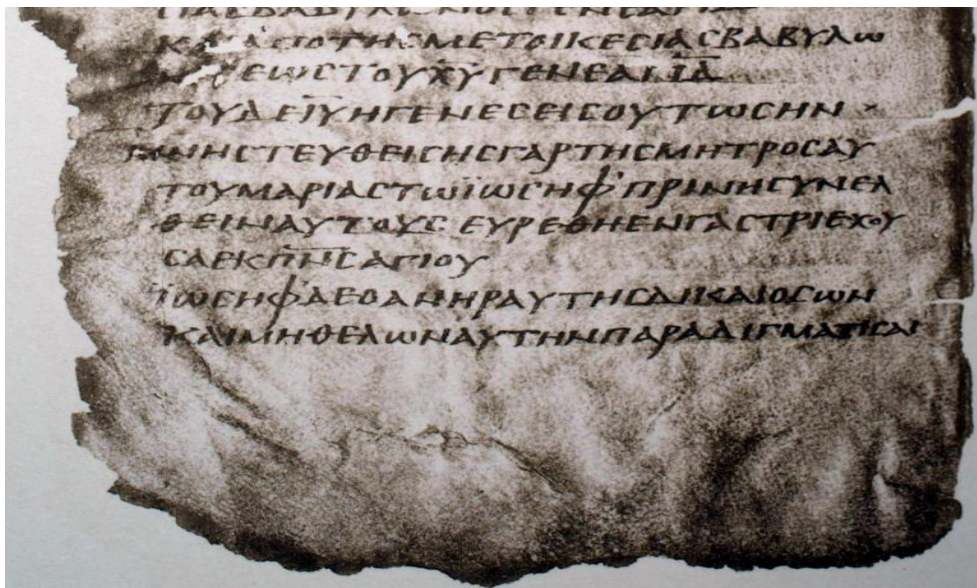
antequam convenirent

inventa est in utero habens de Spiritu Sancto.

**Tạm dịch 18 Gốc nguồn của Đức Giêsu Kitô chính thực thì như sau.
Trước khi (cum) bà Maria mẹ Ngài được gả cưới [desponsata] cho GiuSe,**

kể cả [antequam] trước ngày Hai Vị sống chung [rước dâu]

thì sự việc bà Maria mang thai bởi quyền phép Đức Chúa Thánh Thần đã được cho GiuSe thấu hiểu đầy đủ trọn ven [inventa est ΕΥΡΕΘΗ].



KT Matthêu bản
cổ Hy Lạp
Codex
Washington-
Dumai circa
200AD - câu
18 phóng lớn
[http://images.csntm.org/
Manuscripts/GA_032/Cod
exW_008b.jpg](http://images.csntm.org/Manuscripts/GA_032/CodexW_008b.jpg)

ΤΟΥ ΔΕ Ι̅Υ Η ΓΕΝΕΣΙΣ ΟΥΩΣ ΗΝ·
tou de iêsou christou Of the truly Jesus Christ
hê genesis houtôs ên the Origin (or birth) as follows was
[xin theo đúng thứ tự chữ được ban]
Của Đức KITÔ chính thực gốc nguồn như sau thì

ΜΗΝΣΤΕΥΘΕΙΣ ΓΑΡ ΤΗΣ ΜΗΤΡΟΣ ΑΥΤΟΥ ΜΑΡΙΑΣ ΤΩ ΙΩΣΗΦ
mnêsteutheisês gar being married - **gar** even though
tês mêtros autou the mother of Him
marias tô iôsêph Maria to Joseph-
đã được gả - **gar** tuy rằng - Mẹ Ngài Maria cho GiuSe
[tuy rằng - Maria Mẹ Ngài đã được gả cho GiuSe]

ΠΡΙΝ **prin** before it song **prin** trước ngày (được gả) ấy
Η ΣΥΝΕΛΘΕΙΝ ΑΥΤΟΥΣ
ê sunelthein autous- **ê** and also before lived together they-
ê kể cả trước ngày hai vợ chồng sống chung

ΕΥΡΕΘΗ ΕΝ ΓΑΣΤΡΙ ΕΧΟΥΣΑ
heurethê (it) was **clearly made known** (to Joseph)
en gastri echousa she in womb having (Child)
thì điều ấy (gốc nguồn Của Đức KITÔ) **ΕΥΡΕΘΗ** đã được chỉ dẫn tường tận (cho GiuSe)-
en gastri echousa she in womb having (Child) **Maria trong lòng mang thai**

ΕΚ Π̅Ν̅C̅ **agiu** **ek pneumatos hagiou.** from Spirit Holy **bởi Chúa Thánh Thần.**

GiuSe được Chúa cho heurethê/ inventa est hiểu biết#4 Maria và GiêSu là ai - sâu
đậm và rõ ràng đến mức nào - mà run sợ đến thế? Xin hẹn bài sau.

Kính chúc Năm Mới Đầy Bình An Trong Ơn Chúa

23 Th Giêng 2017 LsNguyenCongBinh@gmail.com

CƯỚC CHÚ #1 Ý NGHĨA CỦA VÀI ĐỘNG TỰ NÓI ĐẾN TRONG BÀI

ginosko to learn to know, come to know, get a knowledge of perceive, feel

1. to become known
2. to know, understand, perceive, have knowledge of
 1. to understand
 2. to know
3. Jewish idiom for sexual intercourse between a man and a woman
4. to become acquainted with, to know

cōgnōscō (*present infinitive cōgnōscere, perfect active cōgnōvī, supine cōgnitum*); *third conjugation*

1. I learn, I am acquainted (with), I recognize
2. (*in perfect tense*) I know

OIDA Verb **oida** from the same root as **eidon** "to see," is a perfect tense with a present meaning, signifying, primarily, "I have seen or perceived;" hence, "I know" (CƯỚC CHÚ 1

Xin xem <http://biblehub.com/thayers/1492.htm>

definition of oida <http://gospelhall.org/bible/bible.php?search=oida&dict=vine&lang=greek>

3609a oida perf. of **eidon** <http://biblehub.com/greek/3609a.htm>

1. to see **eidon**
 1. to perceive with the eyes
 2. to perceive by any of the senses
 3. to perceive, notice, discern, discover
 4. to see
 1. i.e. to turn the eyes, the mind, the attention to anything
 2. to pay attention, observe
 3. to see about something
 1. i.e. to ascertain what must be done about it
 4. to inspect, examine
 5. to look at, behold
 5. to experience any state or condition
 6. to see i.e. have an interview with, to visit
2. to know **oida**
 1. to know of anything
 2. to know, i.e. get knowledge of, understand, perceive
 1. of any fact
 2. the force and meaning of something which has definite meaning
 3. to know how, to be skilled in
 3. to have regard for one, cherish, pay attention to (1Th. 5:12)

Know, Known, Knowledge, Unknown

<http://studybible.info/vines/Know,%20Known,%20Knowledge,%20Unknown>

definition of oida

<http://gospelhall.org/bible/bible.php?search=oida&dict=vine&lang=greek>

1492. eidó <http://biblehub.com/thayers/1492.htm>

3609a oida perf. of eidon <http://biblehub.com/greek/3609a.htm>